HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 24 /2017/NQ-HĐND	*Đắk Lắk, ngày 13 tháng 7 năm 2017*

NGHỊ QUYẾT
Phát triển cà phê bền vững của tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ TƯ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo định hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;

Căn cứ Quyết định số 3417/QĐ-BNN-TT ngày 01 tháng 8 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Đề án phát triển ngành cà phê bền vững đến năm 2020;

Xét Tờ trình số 68/TTr-UBND ngày ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển cà phê bền vững của tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Báo cáo thẩm tra số 29/BC-HĐND ngày 03 tháng7 năm 2017 của Ban Kinh tế - Ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Nghị quyết về phát triển cà phê bền vững của tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 với các nội dung như sau:

1. Quan điểm và định hướng phát triển cà phê bền vững của tỉnh Đắk Lắk đến năm 2030

- Phát triển cà phê phải dựa trên cơ sở khai thác có hiệu quả lợi thế đất đai, nguồn nước, khí hậu, thời tiết theo hướng sản xuất hàng hóa đáp ứng nhu cầu thị trường, hiệu quả và bền vững.

- Phát triển cà phê theo hướng tập trung đầu tư thâm canh, áp dụng khoa học, công nghệ tiên tiến phù hợp để tạo năng suất cao, chất lượng, hiệu quả tốt, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm cà phê trên thị trường, tiến tới phát triển sản xuất cà phê hữu cơ.

- Phát triển công nghiệp chế biến cà phê, cơ cấu sản phẩm đa dạng, chất lượng cao gắn với thị trường trong nước và xuất khẩu, nhằm nâng cao giá trị gia tăng.

- Phát huy mọi nguồn lực của các thành phần kinh tế và sự hỗ trợ của nhà nước, để đảm bảo sản xuất hiệu quả, bền vững tại các vùng sản xuất cà phê theo quy hoạch, ưu tiên vùng sản xuất cà phê có chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột;

Giải quyết hài hòa lợi ích kinh tế, xã hội gắn với bảo vệ môi trường và đảm bảo giữ vững trật tự xã hội, an ninh quốc phòng.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Xây dựng ngành cà phê tỉnh Đắk Lắk phát triển theo hướng bền vững, nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm, mang lại giá trị gia tăng cao, tiến tới phát triển sản xuất cà phê hữu cơ. Tập trung các nguồn lực, chính sách đầu tư cho các vùng sản xuất cà phê theo quy hoạch, ưu tiên vùng có chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột. Đổi mới tổ chức sản xuất, đẩy mạnh liên kết dọc, liên kết ngang trong ngành hàng. Ưu tiên ứng dụng khoa học công nghệ cao vào các khâu sản xuất, chế biến và tổ chức quản lý sản xuất; Nâng cao thu nhập cho nông dân và doanh nghiệp, quản lý tốt các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường sinh thái và ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu.

2.2. Mục tiêu cụ thể

a) Sản xuất cà phê

- Giai đoạn 2016-2020: Giảm dần diện tích còn 180.000 ha và sản lượng bình quân 450.000 tấn/năm; Đến 2030, diện tích ổn định 170.000 ha - 180.000 ha, sản lượng bình quân đạt từ 476.000 - 504.000 tấn/năm; Năng suất bình quân đến năm 2020 đạt 2,5 tấn/ha, năm 2030 đạt 2,8 tấn/ha.

- Giai đoạn 2016-2020 tái canh 32.335 ha cà phê, bình quân mỗi năm tái canh trên 6.000ha/năm. Giai đoạn 2020 - 2030 tái canh từ 1.000 ha/năm - 1.500 ha/năm.

- Quản lý tốt chất lượng cây giống để phục vụ tái canh cà phê đạt hiệu quả: Đảm bảo đến năm 2020, 70% diện tích cà phê tái canh ghép cải tạo và trồng mới sử dụng giống cà phê mới (có năng suất, chất lượng cao). Đến năm 2030: 90% diện tích cà phê tái canh sử dụng giống mới có chất lượng.

- Quản lý và sử dụng nguồn nước hợp lý: Giai đoạn 2016 - 2020 có 75-80% diện tích cà phê chủ động được nước tưới, có 10.000 ha ứng dụng công nghệ tưới nước tiết kiệm. Định hướng đến năm 2030 có 85-90% diện tích cà phê chủ động được nước tưới và 20.000 ha tưới nước tiết kiệm.

- Áp dụng quy trình kỹ thuật sản xuất cà phê bền vững theo yêu cầu của thị trường trong nước và thế giới: Đến năm 2020 có khoảng 80% diện tích cà phê được áp dụng quy trình sản xuất cà phê bền vững có chứng nhận. Định hướng đến năm 2030 có 90% diện tích cà phê áp dụng quy trình kỹ thuật sản xuất cà phê bền vững.

- Xây dựng 2 đến 3 mô hình sản xuất cà phê hữu cơ, tiến tới nhân rộng mô hình.

b) Thu hoạch và chế biến

- Đến năm 2020: 80% đến 85% sản lượng cà phê được thu hái, phơi sấy và bảo quản theo đúng quy trình kỹ thuật hiện hành.

- 100% cơ sở chế biến cà phê nhân xuất khẩu tuân thủ đúng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: Cơ sở chế biến cà phê đạt điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Ít nhất 03 doanh nghiệp chế biến cà phê nhân xuất khẩu, chế biến sâu áp dụng công nghệ và quy trình quản lý tiên tiến.

- Tỷ lệ chế biến sâu (cà phê bột, cà phê hòa tan, các loại cà phê khác biệt khác theo thị hiếu của thị trường ….) đạt từ 8-10% sản lượng của niên vụ.

- Định hướng đến năm 2030: Sản lượng cà phê được chế biến sâu đạt từ 15% đến 20% sản lượng cà phê của niên vụ. Tỷ lệ sản lượng cà phê được thu hái, phơi sấy và bảo quản đạt tiêu chuẩn nâng lên từ 85% đến 95%.

c) Thương mại và quảng bá sản phẩm

- Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá hình ảnh sản phẩm đặc trưng của địa phương; phát triển thị trường tiêu thụ nội địa.

- Đến năm 2020 kim ngạch xuất khẩu cà phê đạt bình quân 600 triệu USD/năm đến 650 triệu USD/năm. Định hướng từ sau năm 2020, phấn đấu kim ngạch xuất khẩu hàng năm đạt từ 700 triệu USD/năm đến 800 triệu USD/năm.

- Phát triển thương hiệu, bảo hộ, bảo vệ và tăng diện tích cà phê có chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột; Phát triển các nhãn hiệu mạnh của doanh nghiệp.

d) Tổ chức và quản lý sản xuất

- Đến năm 2020: Hỗ trợ phát triển 30 Hợp tác xã nông nghiệp (bao gồm số Hợp tác xã hiện có và thành lập mới) tại các vùng sản xuất cà phê. Hỗ trợ thành lập ít nhất 10 tổ hợp tác sản xuất cà phê bền vững tại vùng đồng bào các dân tộc thiểu số.

- Củng cố các liên minh sản xuất cà phê bền vững đã có và xây dựng 03 liên minh sản xuất cà phê theo chuỗi giá trị.

- Phát huy hiệu quả hoạt động của Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuột là đầu mối kết nối các tác nhân trong ngành hàng.

3. Giải pháp thực hiện

3.1. Giải pháp về quản lý ngành hàng

- Kiện toàn và nâng cao năng lực quản lý của Ban Chỉ đạo Đề án phát triển cà phê bền vững và tái canh cà phê. Phối hợp chặt chẽ hoạt động phát triển ngành hàng cà phê giữa các cơ quan quản lý nhà nước như: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công thương, Sở Tài nguyên - Môi trường, Sở Khoa học - Công nghệ.

- Tổ chức thực hiện tốt và đầy đủ nhiệm vụ quản lý nhà nước trong công tác chứng nhận, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các cơ sở sản xuất cung ứng, chất lượng cây giống, chất lượng vật tư nông nghiệp trên thị trường, chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật. Đồng thời tăng cường công tác khuyến nông về chuyển giao giống mới, quy trình kỹ thuật canh tác tiên tiến.

- Xây dựng và triển khai thực hiện phương án chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp định hướng thị trường trên các diện tích đưa ra ngoài vùng phát triển cà phê bền vững. Các vùng sản xuất cà phê ngoài vùng quy hoạch sản xuất cà phê bền vững không được hưởng các cơ chế, chính sách phát triển cà phê bền vững. Thực hiện các giải pháp tuyên truyền, vận động để người sản xuất cà phê ngoài vùng quy hoạch nhận thức được và tự giác chuyển đổi cây trồng; có các giải pháp hỗ trợ chuyển đổi cây trồng.

- Thực hiện tái canh đúng kế hoạch đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Tổ chức phổ biến, thông tin tuyên truyền sâu rộng về vùng quy hoạch và các chủ trương chính sách về sản xuất cà phê bền vững.

3.2. Giải pháp về tổ chức sản xuất

- Hỗ trợ kinh phí thành lập, đào tạo nhân lực các hợp tác xã, tổ hợp tác và các liên minh sản xuất cà phê bền vững, làm dịch vụ đầu vào, đầu ra cho nông dân, hình thành chuỗi liên kết trong ngành hàng cà phê. Củng cố và xây dựng mới các liên minh sản xuất cà phê bền vững gắn với giảm nghèo, chú trọng vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tăng cường năng lực và hoạt động của Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuột, là nòng cốt tổ chức xây dựng liên kết dọc, liên kết ngang các tác nhân trong ngành hàng cà phê, để Hiệp hội thực sự là tổ chức đại diện cho lợi ích của ngành cà phê tỉnh Đắk Lắk.

3.3. Đào tạo nguồn nhân lực

- Đào tạo, chuyển giao cho người sản xuất và tổ chức nông dân quy trình sản xuất cà phê bền vững, kỹ thuật tái canh, tưới nước tiết kiệm; kỹ thuật thu hái và bảo quản; quy trình kỹ thuật sản xuất cà phê hữu cơ. Đối với các vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số chú trọng xây dựng mô hình và đào tạo theo phương pháp FFS (hội thảo đầu bờ, chia sẻ kinh nghiệm, tham quan thực tế); đào tạo nông dân chuyên nghiệp, có trình độ về tổ chức sản xuất và thị trường, bảo vệ môi trường, quản lý rác thải, tăng cường cây che bóng và một số cây phủ đất để giữ ẩm và cải tạo đất.

- Đào tạo, nâng cao năng lực chủ cơ sở sản xuất cà phê quy mô lớn như chủ trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp vừa và nhỏ về kỹ thuật sản xuất, chế biến bảo quản, kỹ năng quản trị và tổ chức sản xuất (tài chính, lao động, quy trình kỹ thuật, sản xuất, bảo quản…); liên kết hợp tác, tiếp cận thị trường.

- Đào tạo, nâng cao năng lực quản lý, tổ chức sản xuất và tiếp cận thị trường; quy trình quản lý doanh nghiệp tiên tiến; an toàn vệ sinh thực phẩm; kỹ thuật chế biến cà phê sau thu hoạch đạt chất lượng cao cho các cơ sở chế biến, kinh doanh vừa và nhỏ.

3.4. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, cơ giới hóa

- Xây dựng tại các vùng sản xuất cà phê theo chỉ dẫn địa lý, vùng sản xuất cà phê của đồng bào dân tộc thiểu số: Các mô hình tái canh áp dụng biện pháp sinh học tổng hợp, mô hình sản xuất cà phê tiết kiệm nước gắn với công nghệ thâm canh cao, mô hình sản xuất cà phê sạch; công nghệ thu hái và chế biến cà phê sau thu hoạch.

- Phổ biến, hỗ trợ áp dụng các quy trình sản xuất cà phê bền vững (theo tiêu chuẩn VietGap, hoặc có chứng nhận), ứng dụng các chế phẩm sinh học trong sản xuất và chế biến cà phê sạch nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu thông qua nâng cao nhận thức cho người sản xuất về vai trò của sản xuất cà phê bền vững đối với phát triển ngành hàng.

- Chuyển giao và ứng dụng kỹ thuật canh tác trên đất dốc, chống xói mòn, rửa trôi và bảo vệ đất cho người sản xuất cà phê, ứng dụng khoa học công nghệ để xử lý ô nhiễm môi trường trong hoạt động sản xuất, chế biến cà phê và các chế phẩm sinh học vào xử lý vỏ bã cà phê làm phân bón và cải tạo đất.

- Hỗ trợ đào tạo nâng cao năng lực cho chủ doanh nghiệp và thông qua chính sách tín dụng giúp doanh nghiệp đổi mới công nghệ và trang thiết bị góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm cà phê chế biến sâu.

3.5. Giải pháp về vốn:

- Huy động vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư cho quản lý ngành hàng, nâng cao năng lực quản lý và sản xuất và cho các tác nhân hỗ trợ ngành hàng.

- Huy động vốn ODA (dự án VnSAT) để hỗ trợ đầu tư cho chương trình chuyển đổi cà phê bền vững.

- Vốn của người sản xuất và doanh nghiệp đầu tư cho sản xuất cà phê bền vững, bảo quản sau thu hoạch và chế biến.

- Vốn tín dụng: Huy động các nguồn vốn tín dụng ưu đãi cho tái cơ cấu ngành nông nghiệp, vốn vay ưu đãi tái canh cây cà phê và các nguồn vốn tín dụng khác để đầu tư cho sản xuất và chế biến.

- Các nguồn vốn huy động xã hội khác.

3.6. Xúc tiến thương mại và xây dựng thương hiệu

- Hình thành, nâng cao năng lực của tổ chức, hỗ trợ các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, quảng bá hình ảnh sản phẩm đặc trưng trong và ngoài nước trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, của ngành, cấp huyện, của doanh nghiệp; thường xuyên thông tin, dự báo kịp thời về thị trường nông sản.

- Đến năm 2025, cơ bản hoàn thành việc đăng ký bảo hộ thương hiệu cà phê "Buon Ma Thuot Coffee" ở 17 nước đang xin đăng ký và đến năm 2030 mở rộng ở một số nước tiêu thụ cà phê khác trên thế giới.

- Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã xây dựng nhãn hiệu hàng hóa, thương hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột gắn với truy suất nguồn gốc và quản lý chất lượng theo chuỗi và mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Thành lập các Chi hội ngành hàng để bảo vệ quyền lợi nông dân và các thành viên, hạn chế cạnh tranh không lành mạnh.

- Tạo môi trường đầu tư thuận lợi, thông thoáng cho các doanh nghiệp chế biến cà phê trong và ngoài nước đầu tư nhà máy chế biến các sản phẩm cà phê: bột, hòa tan và các sản phẩm cà phê khác trên địa bàn nhằm phát triển công nghiệp chế biến, tăng giá trị sản phẩm xuất khẩu.

- Tranh thủ tối đa các cơ hội, chương trình, dự án hợp tác quốc tế để huy động và sử dụng hiệu quả về kỹ thuật, kinh nghiệm, nguồn vốn hỗ trợ sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ cà phê bền vững.

3.7. Giải pháp bảo đảm nguồn nước cho sản xuất cà phê thích ứng với biến đổi khí hậu góp phần bảo vệ môi trường

- Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 153/2015/NQ-HĐND ngày 10/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phát triển thủy lợi trong vùng cà phê bền vững tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2015-2020 và định hướng đến năm 2025.

- Chuyển giao, ứng dụng kỹ thuật canh tác trên đất dốc, chống xói mòn, rửa trôi và bảo vệ đất cho người sản xuất cà phê.

- Quản lý, khai thác, phân phối và sử dụng nguồn nước hợp lý, có hiệu quả nguồn nước phục vụ tưới.

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường; bảo vệ, khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên đất, nước cho tổ chức và cá nhân tham gia ngành hàng.

4. Kinh phí thực hiện

Tổng kinh phí thực hiện: 2.939 tỷ đồng (Hai nghìn, chín trăm ba mươi chín tỷ đồng), trong đó:

- Nguồn vốn ngân sách tỉnh: 15 tỷ đồng.
- Nguồn vốn từ doanh nghiệp và nông dân: 2.653 tỷ đồng.
- Nguồn vốn từ dự án hỗ trợ chuyển đổi nông nghiệp bền vững (VnSAT): 271 tỷ đồng (IDA: 163 tỷ đồng, Chính phủ: 52 tỷ đồng, doanh nghiệp và nông dân: 56 tỷ đồng).

(Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách tỉnh phân bổ theo năm chi tiết tại phụ lục kèm theo)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá IX, Kỳ họp thứ Tư thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2017 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2017.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 22/2008/NQ-HĐND ngày 08/10/2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phát triển cà phê bền vững đến 2015 và định hướng đến năm 2020./.

CHỦ TỊCH

Y Biêr Niê

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư , Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;
- Cục KTVBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Các Ban của Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở NN&PTNT, TC, KHĐT, TP;
- TT. HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Đài PTTH; Báo Đắk Lắk; Công báo tỉnh; Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, P .Ct.HĐND.

Phụ lục: Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách của tỉnh phân bổ theo năm

(Kèm theo Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2017 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Nội dung công việc	Kinh phí hỗ trợ	Phân bổ kinh phí hỗ trợ theo năm			
			2017	2018	2019	2020
A	**QUẢN LÝ NGÀNH HÀNG**	**6,6**	**0,8**	**2,5**	**2,0**	**1,3**
1a	Nâng cao năng lực quản lý của Ban chỉ đạo Đề án phát triển cà phê bền vững và tái canh cà phê	2,6	0,2	1,3	0,9	0,2
a	*Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý ngành hàng*	2,0	-	1,2	0,8	-
b	*Nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban chỉ đạo đề án cà phê của tỉnh: Quản lý, giám sát thực hiện đề án và các hoạt động khác (Quản lý phí, hội thảo, tổng kết, kiểm tra, giám sát,, xây dựng Website...)*	0,6	0,2	0,1	0,1	0,2
2a	Nghiên cứu xây dựng và thực hiện phương án Chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp định hướng thị trường trên các diện tích đưa ra ngoài quy hoạch sản xuất cà phê	3,0	0,5	0,9	0,8	0,8
3a	Nâng cao chất lượng cà phê nhân xô, cà phê nhân xuất khẩu và cà phê chế biến sâu	1,0	0,1	0,3	0,3	0,3
B	**TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ NÂNG CAO NĂNG LỰC CỦA NÔNG DÂN SẢN XUẤT CÀ PHÊ**	**5,4**	**0,3**	**1,8**	**1,7**	**1,6**
1b	Thúc đẩy liên kết giữa các tác nhân trong ngành hàng	1,5	0,2	0,5	0,4	0,4
2b	Nâng cao năng lực của nông dân sản xuất cà phê thông qua đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, cơ giới hóa	3,9	0,1	1,3	1,3	1,2
C	**CÁC TÁC NHÂN HỖ TRỢ NGÀNH HÀNG**	**3,0**	**0,4**	**0,9**	**0,9**	**0,8**
1c	Nâng cao hiệu quả hoạt động của Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuột	1,0	0,1	0,3	0,3	0,3
2c	Đẩy mạnh xúc tiến thương mại và quảng bá hình ảnh	1,2	0,1	0,4	0,4	0,3
3c	Xúc tiến đầu tư tìm kiếm và thu hút các doanh nghiệp tiềm năng tham gia phát triển ngành hàng	0,8	0,2	0,2	0,2	0,2
	TỔNG CỘNG	**15,0**	**1,5**	**5,2**	**4,6**	**3,7**